

Số: 919 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 04 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Mỹ Lộc.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của huyện Mỹ Lộc;

Căn cứ Nghị Quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 16/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất không thuộc diện thu hồi đất nhưng sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị tại các tờ trình số: 25/TTr-UBND ngày 05/4/2016 của UBND huyện Mỹ Lộc, số 917/TTr-STNMT ngày 26/4/2016 của Sở Tài nguyên & Môi trường về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Mỹ Lộc và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Mỹ Lộc, cụ thể như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		7.448,88
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	5.023,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.076,37
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.959,87
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	470,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	486,58
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	971,32
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,52
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	2.418,36

2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,03
2.2	Đất an ninh	CAN	0,89
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	129,77
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,76
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	96,29
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.162,25
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	5,05
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	14,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	408,64
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	95,75
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,56
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,77
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	107,04
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	9,51
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,55
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	10,31
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,97
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	260,77
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	50,78
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,25
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6,70

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2016:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	34,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA	33,11
1.1.1	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	32,67
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	0,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,04
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,49
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	1,27
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,51
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,10
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,05
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,07
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,39
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,15

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	41,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	36,74
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	35,70
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	0,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,31
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,77
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		2,85
2.3	Đất trồng lúa nước chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	2,85
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OTC	0,94

Điều 2. Giao UBND huyện Mỹ Lộc:

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên & Môi trường xem xét trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Đối với đất bãi dọc các tuyến sông có đề phải làm thủ tục cấp phép xây dựng công trình hoặc thủ tục cấp phép mở bến bãi trước khi giao đất, cho thuê đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên & Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Mỹ Lộc; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VP1, VP3. *HT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phùng Hoan